

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3844 /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày 04 tháng 10 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt điều chỉnh dự án kè cấp bách chống sạt lở do thiên tai trên sông Mã, đoạn qua xã Cẩm Vân, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa

CHỦ TỊCH UBND TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020; Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công của Chính phủ;

Căn cứ các Quyết định số 3071/QĐ-UBND ngày 03/8/2020, số 476/QĐ-UBND ngày 04/02/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt, điều chỉnh dự án kè cấp bách chống sạt lở do thiên tai trên sông Mã, đoạn qua xã Cẩm Vân, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 200/TTr-SNN&PTNT ngày 27/9/2021, kèm theo kết quả thẩm định số 4234/SNN&PTNT-QLXDCT ngày 20/9/2021 và UBND huyện Cẩm Thủy tại Tờ trình số 108/TTr-UBND ngày 08/9/2021 về việc phê duyệt điều chỉnh dự án kè cấp bách chống sạt lở do thiên tai trên sông Mã, đoạn qua xã Cẩm Vân, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh dự án kè cấp bách chống sạt lở do thiên tai trên sông Mã, đoạn qua xã Cẩm Vân, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa, với những nội dung chính sau:

1. Khái quát về dự án

Dự án kè cấp bách chống sạt lở do thiên tai trên sông Mã, đoạn qua xã Cẩm

Vân, huyện Cẩm Thủy được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt, điều chỉnh tại các Quyết định số 3071/QĐ-UBND ngày 03/8/2020, số 476/QĐ-UBND ngày 04/02/2021, với tổng mức đầu tư là 41.305,7 triệu đồng. Nguồn vốn đầu tư từ nguồn dự phòng ngân sách Trung ương năm 2019 theo Quyết định số 107/QĐ-TTg ngày 31/12/2019 của Thủ tướng Chính phủ là 40 tỷ đồng; riêng chi phí bồi thường GPMB do UBND huyện Cẩm Thủy đảm nhận; thời gian thực hiện dự án đến ngày 31/3/2021. Hiện nay, chủ đầu tư đã thi công hoàn thành các hạng mục công trình theo dự án được duyệt.

2. Nhà thầu lập dự án điều chỉnh: Công ty cổ phần tư vấn đầu tư và xây dựng thủy lợi thủy điện.

3. Lý do điều chỉnh dự án

Theo Quyết định phê duyệt dự án, bờ hữu sông Mã, đoạn qua xã Cẩm Vân, huyện Cẩm Thủy được xây dựng tuyến kè bảo vệ tại các khu vực xung yếu nhất với tổng chiều dài 948,78 m (đoạn qua thôn Tiên Lãng dài 346,21 m; đoạn qua thôn Quan Bằng dài 602,57 m). Tuy nhiên, hiện nay đoạn bờ sông phía thượng lưu kè Tiên Lãng dài khoảng 120 m là đoạn sông cong, dòng chảy thúc thẳng vào bờ và đã có diễn biến sạt lở kéo dài từ năm 2013 đến nay, ảnh hưởng đến đời sống sinh hoạt, diện tích đất canh tác của người dân khu vực và sự an toàn của tuyến đường tỉnh 518B nên việc đầu tư xử lý kéo dài kè lát mái bảo vệ, chống sạt lở bờ hữu sông Mã về phía thượng lưu của đoạn kè Tiên Lãng là cần thiết và đã được Chủ tịch UBND tỉnh đồng ý chủ trương tại Công văn số 11058/UBND-NN ngày 28/7/2021.

4. Nội dung điều chỉnh

Điều chỉnh phạm vi gia cố tuyến kè qua thôn Tiên Lãng: Bổ sung kéo dài tuyến kè về phía thượng lưu 120 m, điểm đầu tại vị trí dòng chủ lưu chảy áp sát bờ, điểm cuối cách điểm đầu tuyến kè đã được thi công hoàn thành 35 m; hướng tuyến kè cơ bản bám theo tuyến bờ hữu sông Mã, nắn chỉnh cục bộ một số vị trí đảm bảo tuyến trơn thuận; chỉ tiêu thiết kế và giải pháp kỹ thuật như sau:

4.1. Chỉ tiêu thiết kế:

TT	Thông số	Đơn vị	Tri số
1	Chiều dài tuyến kè thiết kế kéo dài	m	120
2	Cao trình đỉnh kè	m	(+15.40)
3	Cao trình đỉnh đồng đá chân kè	m	(+10.20)
4	Chiều rộng đồng đá chân kè	m	5
5	Hệ số mái kè		2
6	Hệ số mái đồng đá chân kè		2

4.2. Giải pháp kỹ thuật:

a) Tuyến kè:

- Chân kè: Kiểu lạng thể tựa bằng đá hộc thả rôi; mặt và mái từ cao trình

đỉnh lãg thể (+10.20) m xuống cao trình (+8.40) m được chêm chèn chặt bằng đá lát khan dày 30 cm; khóa đỉnh lãg thể bằng dầm bê tông cốt thép (BTCT) M250, dọc tuyến cứ 11,8 m bố trí 1 khe lún chèn giấy dầu tấm nhựa đường.

- Mái kè: Được gia cố bằng cấu kiện bê tông đúc sẵn (BTĐS) M250, kích thước (40x40x16) cm trong hệ khung dầm bằng BTCT M250 được tạo bởi các dầm dọc và ngang mái kè; dưới cấu kiện BTĐS là lớp đá dăm (1x2) cm dày 10cm và 1 lớp vải địa kỹ thuật ART-15 (hoặc tương đương).

- Đỉnh kè: Khóa đỉnh kè bằng dầm BTCT M250, dọc tuyến cứ 11,8 m bố trí 1 khe lún chèn giấy dầu tấm nhựa đường; đỉnh kè phía giáp đường tỉnh 518B làm tường chắn đất bằng BTCT M250, mặt trên của phần đất đắp lưng tường và mái ta luy được gia cố bằng bê tông thường (BTT) M200; mặt cơ giữa dầm khóa đỉnh kè và tường chắn đất được gia cố bằng BTT M200 dày 20 cm, dọc theo chiều dài tuyến cứ 5 m cắt một khe lún sâu 20 cm.

b) Công trình trên tuyến kè: Trên tuyến bố trí 2 bậc lên xuống kết hợp khóa đầu, cuối đoạn kè; chiều rộng bậc lên xuống B = 2 m; kết cấu bằng BTT M200.

5. Tổng mức đầu tư điều chỉnh: 41.305,7 triệu đồng;

Trong đó:

Chi phí bồi thường GPMB	2.451,3 triệu đồng;
Chi phí xây dựng	34.577,2 triệu đồng;
Chi phí quản lý dự án	809,7 triệu đồng;
Chi phí tư vấn ĐTXD	2.554,6 triệu đồng;
Chi phí khác	528,5 triệu đồng;
Chi phí dự phòng	384,4 triệu đồng.

(Có phụ biểu chi tiết kèm theo)

6. Thời gian thực hiện dự án điều chỉnh: Hoàn thành trước ngày 31/12/2021.

7. Các nội dung khác: Thực hiện theo các Quyết định số 3071/QĐ-UBND ngày 03/8/2020, số 476/QĐ-UBND ngày 04/02/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh.

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

- Chủ đầu tư (UBND huyện Cẩm Thủy) chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện dự án theo đúng Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020; Luật Đấu thầu năm 2013 và các quy định hiện hành của Nhà nước.

- Trong quá trình triển khai các bước tiếp theo, yêu cầu UBND huyện Cẩm Thủy có trách nhiệm tiếp thu, thực hiện đầy đủ các ý kiến của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại kết quả thẩm định số 4234/SNN&PTNT-QLXDCT ngày 20/9/2021.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Cẩm Thủy và Thủ trưởng các ngành, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- PCT UBND tỉnh Lê Đức Giang;
- Lưu: VT, NN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Đức Giang

PHỤ BIỂU TỔNG MỨC ĐẦU TƯ ĐIỀU CHỈNH

Dự án kè cấp bách chống sạt lở do thiên tai trên sông Mã, đoạn qua xã Cẩm Vân,
huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2021 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Khoản mục chi phí	TMĐT theo QĐ số 3071/QĐ-UBND ngày 03/8/2020	TMĐT điều chỉnh	Chênh lệch
I	Chi phí bồi thường GPMB	2.451,3	2.451,3	
II	Chi phí xây dựng	31.211,5	34.577,2	3.365,6
1	Đoạn kè qua thôn Quan Bằng	21.062,348	21.460,231	397,883
2	Đoạn kè qua thôn Tiên Lãng	10.149,211	13.116,906	2.967,695
III	Chi phí quản lý dự án	725,9	809,7	83,8
1	Chi phí quản lý dự án (TT16/2019/TT-BXD)	725,891	809,723	83,83
IV	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	2.344,8	2.554,6	209,8
A	Giai đoạn chuẩn bị đầu tư	647,7	811,8	164,1
1	Chi phí khảo sát địa hình, địa chất	364,146	496,062	131,916
2	Chi phí lập nhiệm vụ khảo sát	10,924	10,924	
3	Chi phí lập dự án đầu tư	257,784	290,008	32,224
4	Chi phí giám sát công tác khảo sát	14,828	14,828	
B	Giai đoạn thực hiện đầu tư	1.697,1	1.742,8	45,7
5	Chi phí khảo sát địa hình, địa chất	238,971	215,126	-23,845
6	Chi phí lập nhiệm vụ khảo sát	7,169	6,454	-0,715
7	Chi phí giám sát công tác khảo sát	9,731	8,760	-0,971
8	Chi phí mua tài liệu thủy văn		10,000	10,000
9	Chi phí thiết kế bản vẽ thi công - dự toán	651,297	725,454	74,157
10	Chi phí thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công	47,564		-47,564
11	Chi phí thẩm tra dự toán	45,916		-45,916
12	Chi phí giám sát thi công xây dựng	696,463	777,012	80,549
V	Chi phí khác	470,1	528,5	58,4
1	Chi phí bảo hiểm xây dựng	324,600	346,297	21,697
2	Chi phí thẩm tra, phê duyệt QT (TT10/2020/TT-BTC)	118,527	131,111	12,584
3	Chi phí thẩm định dự án (TT209/2016/TT-BTC)	3,160	3,160	
4	Chi phí thẩm định thiết kế bản vẽ thi công (TT210/2016/TT-BTC)	4,483	16,794	12,311
5	Chi phí thẩm định dự toán (TT210/2016/TT-BTC)	4,313	16,154	11,841
6	Chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu của cơ quan nhà nước	15,000	15,000	
VI	Chi phí dự phòng	4.102,1	384,4	-3.717,7
	Tổng cộng	41.305,7	41.305,7	